

Số: 249 /TB-ĐHLN-CTCTSV

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh sách sinh viên dự kiến được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Quyết định số 87/QĐ-ĐHLN-CTCTSV ngày 18/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và học bổng tài trợ cho sinh viên; Quyết định số 680/QĐ-ĐHLN-CTCTSV ngày 03/6/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về mức học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên tại học kỳ I, năm học 2024-2025 và danh sách đề nghị xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên của các khoa, viện có quản lý sinh viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, Hội đồng xét duyệt học bổng cho sinh viên Trường Đại học Lâm nghiệp đã họp và thông qua danh sách sinh viên dự kiến được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2024-2025 (được gửi kèm theo thông báo này).

Đề nghị các khoa, viện thông báo tới sinh viên thuộc đơn vị quản lý được biết. Ý kiến phản hồi của đơn vị, cá nhân đề nghị nộp về Phòng Chính trị và Công tác sinh viên (người nhận: Bà Nguyễn Hoàng Giang - Phòng 209 nhà A1) trước ngày 08/5/2025 để tổng hợp báo cáo hội đồng xét học bổng, trình Hiệu trưởng Quyết định./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- PHT Phạm Minh Toại;
- Các khoa, viện có quản lý sinh viên;
- Website: ctsv.vnuf.edu.vn;
- Lưu: VT, CT&CTSV.



Phạm Minh Toại

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐƯỢC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Thông báo số: 21/TB - ĐHLN-CTCTSV ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng)

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
I. Khóa 66							333.265.000
1.1 Ngành Kế toán							45.825.000
1	Bùi Thị Ánh Dương	2173403011025	K66C_Kế toán	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Phạm Thị Thúy Quỳnh	2173403010393	K66A_Kế toán	3,83	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
3	Phạm Thị Nga	2173403011063	K66C_Kế toán	3,76	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
4	Bùi Thu Hiền	2173403010004	K66C_Kế toán	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
5	Bùi Lệ Hoài	2173403010947	K66B_Kế toán	3,91	Tốt	Giỏi	7.402.500
6	Phạm Thị Diệu Thảo	2173403010998	K66A_Kế toán	3,44	Tốt	Giỏi	7.402.500
1.2. Ngành Kinh tế							16.500.000
1	Nguyễn Văn Tiến	2174801040868	K66A_Kinh tế	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Lê Phúc Minh	2173101011089	K66A_Kinh tế	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
1.3 Ngành Thiết kế nội thất							27.060.000
1	Lê Thị Thùy	2175801080343	K66A_TKNT	3,9	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Vũ Thị Quỳnh Nga	2173401010563	K66A_TKNT	3,9	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Nguyễn Thị Hồng	2175801080752	K66A_TKNT	3,8	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
1.4 Ngành Hệ thống thông tin							34.030.000
1	Nguyễn Thị Lộc	2174801040409	K66A_HTTT	3,4	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
2	Nguyễn Mạnh Cường	2174801040688	K66B_HTTT	3,37	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Hán Lan Hoài	2174801041072	K66A_HTTT	3,27	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Hoàng Mai Trang	2174801041024	K66B_HTTT	3,23	Khá	Khá	8.200.000
1.5 Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							17.220.000
1	Kiều Hiền Vinh	2251080102	K66A_CNCĐT	3,86	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Đặng Quang Huy	2175201030898	K66A_CNCĐT	3,29	Tốt	Giỏi	8.610.000
1.6 Ngành Kiến trúc cảnh quan							9.020.000
1	Thiều Đỗ Linh Chi	2175801100606	K66A_KTCQ	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
1.7. Ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường							8.250.000
1	Lương Phương Anh	2173401160665	K66A_QLTN&MT	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
1.8. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							26.240.000
1	Trần Kim Tăng	2175102050415	K66A_CNOT	3,60	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Dương Thanh Tú	2175102051036	K66A_CNOT	3,82	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Hà Đức Thuận	2175102050096	K66A_CNOT	3,79	Tốt	Giỏi	8.610.000
1.9. Ngành Quản trị kinh doanh							38.070.000
1	Trần Thành Đạt	2178101030383	K66B_QTKD	3,79	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Nguyễn Thị Nhung	2173401010159	K66A_QTKD	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
3	Lê Thị Xuân	2173401010551	K66C_QTKD	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
4	Kiều Linh	2173401010656	K66C_QTKD	3,59	Xuất sắc	Giỏi	7.402.500
5	Trần Đăng Đức	2173401010255	K66C_QTKD	3,53	Xuất sắc	Giỏi	7.402.500

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
1.10. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							15.750.000
1	Nguyễn Huyền Trang	2178101030426	K66A_DLLH	3,63	Tốt	Giỏi	7.875.000
2	Nguyễn Lan Anh	2178101030108	K66A_DLLH	3,42	Tốt	Giỏi	7.875.000
1.11. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							27.060.000
1	Lang Trung Thành	2174801040730	K66A_QLTNR	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Lê Thành Long	2176202110399	K66A_QLTNR	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Hoàng Quang Huy	2176202110790	K66A_QLTNR	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
1.12. Ngành Thú y							36.080.000
1	Trần Thị Hồng Oanh	2176401010928	K66A_Thú y	3,87	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Nguyễn Như Quỳnh	2176401010347	K66A_Thú y	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Vũ Phương Ngọc Minh	2176401010872	K66A_Thú y	3,69	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Lê Ngọc Bích	2176401010312	K66A_Thú y	3,66	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
1.13. Ngành Lâm sinh							8.610.000
1	Đỗ Thị Huế	2176202050391	K66A_Lâm sinh	3,63	Tốt	Giỏi	8.610.000
1.14. Ngành Công tác xã hội							8.250.000
1	Nguyễn Thị Hương Lan	2177601010769	K66A_CTXH	3,73	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
1.15. Ngành Bất động sản							7.050.000
1	Ngô Thái Sơn	2173401161116	K66A_BDS	3,67	Khá	Khá	7.050.000
1.16. Ngành Quản lý đất đai							8.250.000
1	Nguyễn Thị Hương	2178501030771	K66A_QLDD	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
II. Khóa 67							487.949.000
2.1. Ngành Kinh tế							8.250.000
1	Trần Thị Hoài Thu	2273101010380	K67A-Kinh tế	3,78	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2.2. Ngành Kế toán							90.592.500
1	Dương Thị Lan	2274801040852	K67A-Kế toán	3,74	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Nguyễn Thị Thương	2273403010804	K67B-Kế toán	3,70	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
3	Nguyễn Mỹ Hạnh	2273403010769	K67A-Kế toán	3,69	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
4	Phùng Thị Hải Khánh	2273403010454	K67B-Kế toán	3,67	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
5	Mai Hương Giang	2273403010915	K67A-Kế toán	3,64	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
6	Hoàng Thị Hải Vân	2273403010012	K67F-Kế toán	4,0	Tốt	Giỏi	7.402.500
7	Trần Thị Thanh Trúc	2273403010904	K67A-Kế toán	3,96	Tốt	Giỏi	7.402.500
8	Nguyễn Thị Thúy Ngân	2273403010504	K67B-Kế toán	3,94	Tốt	Giỏi	7.402.500
9	Phạm Thị Thanh Loan	2273403010437	K67A-Kế toán	3,91	Tốt	Giỏi	7.402.500
10	Nguyễn Thanh Thủy	2273403010303	K67F-Kế toán	3,90	Tốt	Giỏi	7.402.500
11	Nguyễn Thị Dung	2273403010435	K67A-Kế toán	3,86	Tốt	Giỏi	7.402.500
12	Nguyễn Thị Anh Thơ	2273403010868	K67B-Kế toán	3,77	Tốt	Giỏi	7.402.500
2.3. Ngành Công nghệ sinh học							15.960.000
1	Chu Quỳnh Hoa	2274202010161	K67A-CNSH	3,50	Xuất sắc	Giỏi	7.980.000
2	Ma Seo Sềng	2274202010205	K67A-CNSH	3,44	Xuất sắc	Giỏi	7.980.000
2.4. Ngành Lâm sinh							18.040.000
1	Lục Hồng Đăng	2276202050330	K67A-Lâm sinh	3,9	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Ngô Thị Linh	2276202050468	K67A-Lâm sinh	3,63	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
2.5. Ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường							7.875.000
1	Trần Thái Sơn	2278501010553	K67A-QLTNMT	3,5	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
2.6. Ngành Quản trị kinh doanh							46.530.000
1	Phạm Thị Phương Thảo	2273401010336	K67A-QTKD	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Ứng Thị Việt Mỹ	2273401010670	K67A-QTKD	3,83	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
3	Nguyễn Thị Thu	2273401010373	K67A-QTKD	3,74	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
4	Trần Thị Thùy Dung	2273401010826	K67A-QTKD	3,73	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
5	Lê Hoàng Anh	2273401010138	K67A-QTKD	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
6	Phạm Trần Thu Hà	2273401010416	K67A-QTKD	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2.7. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							36.080.000
1	Nguyễn Thị Thúy	2276202110395	K67A-QLTNR	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Hà Văn Quân	2276202110676	K67A-QLTNR	3,95	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Phạm Diệu Hà	2276202110908	K67A-QLTNR	3,93	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Thùng Kim Oanh	2276202110631	K67A-QLTNR	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2.8. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							16.810.000
1	Vũ Tiến Ngọc	2275102030974	K67A-CNCĐT	3,88	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Đặng Hoàng Giáp	2275102030902	K67A-CNCĐT	3,52	Khá	Khá	8.200.000
2.9. Ngành Quản lý đất đai							39.375.000
1	Phạm Phú Quý	2278501030681	K67A-QLĐĐ	3,71	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Nguyễn Tuấn Hưng	2278501030527	K67A-QLĐĐ	3,62	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
3	Vì Lê Tùng Dương	2278501030490	K67A-QLĐĐ	3,24	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
4	Nguyễn Minh Huyền	2273401160544	K67A-QLĐĐ	3,15	Xuất sắc	Khá	7.500.000
5	Trần Hậu Nam	2275102030704	K67A-QLĐĐ	3,06	Xuất sắc	Khá	7.500.000
2.10. Ngành Kiến trúc cảnh quan							9.020.000
1	Nông Thị Hồng Gấm	2275801020134	K67A-KTCQ	3,8	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2.11. Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên							16.681.500
1	Trần Thị Chanh	2278501060154	K67-QLTNTN (Adv)	3,7	Xuất sắc	Xuất sắc	16.681.500
2.12. Ngành Dịch vụ du lịch và lữ hành							32.625.000
1	Tráng Thị Mai	2273101010881	K67A-QTDLLH	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Trần Minh Đức	2278101030838	K67A-QTDLLH	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
3	Hoàng Dương Thảo Vy	2278101030901	K67A-QTDLLH	3,66	Xuất sắc	Giỏi	8.250.000
4	Vũ Thị Ngọc	2278101030906	K67A-QTDLLH	3,89	Tốt	Giỏi	7.875.000
2.13. Ngành Chế biến lâm sản							9.020.000
1	Sầm Thị Linh	2275490010282	K67A-CBLS	3,94	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2.14. Ngành Thú y							18.040.000
1	Nguyễn Đỗ Hạnh Trang	2276401010536	K67A-Thú y	3,82	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Đào Thúy Nga	2276401010165	K67A-Thú y	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2.15. Ngành Thiết kế nội thất							45.100.000
1	Vũ Thị Hồng Nhị	2275801080326	K67A-TKNT	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Đặng Thị Hương	2275801080325	K67A-TKNT	3,95	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Bùi Gia Tường	2275801080404	K67A-TKNT	3,9	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Vũ Đình Xuân	2275801080479	K67A-TKNT	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
5	Dương Thị Thảo Trang	2273403010368	K67A-TKNT	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2.16. Ngành Hệ thống thông tin							43.460.000
1	Đinh Diệu Hương	2274801040879	K67A-HTTT	3,71	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Nguyễn Đức Lợi	2274801040211	K67A-HTTT	3,44	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Trần Thị Linh Chi	2274801040854	K67A-HTTT	3,41	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Đặng Văn Tâm	2274801040831	K67A-HTTT	3,41	Tốt	Giỏi	8.610.000
5	Nguyễn Hồng Sơn	2274801040909	K67A-HTTT	3,32	Tốt	Giỏi	8.610.000
2.17. Ngành Công tác xã hội							8.250.000
1	Bùi Bích Phương	2277601010082	K67A-CTXH	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2.18. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							26.240.000
1	Bạch Văn Thành Hưng	2275102050753	K67A-CNKTOTO	3,90	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Trần Thanh Thái	2275102050333	K67A-CNKTOTO	3,90	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Lê Hoàng Anh	2275102050271	K67A-CNKTOTO	3,63	Tốt	Giỏi	8.610.000
III. Khóa 68							543.477.500
3.1. Ngành Thiết kế nội thất							34.850.000
1	Phạm Hà Vân	23680787	K68A_TKNT	3,79	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Phạm Khánh Vân	2273401010651	K68A_TKNT	4,0	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23680563	K68A_TKNT	3,9	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Nguyễn Thị Châm	23680609	K68A_TKNT	3,9	Tốt	Giỏi	8.610.000
3.2. Ngành Kiến trúc cảnh quan							9.020.000
1	Nguyễn Diệu Linh	23680834	K68A-KTCQ	4,0	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3.3. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							43.050.000
1	Sùng Minh Thu	23680717	K68A-QLTNR	3,55	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Hoàng Văn Dung	23680711	K68A-QLTNR	3,53	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
3	Trịnh Quang Hiếu	23680201	K68A-QLTNR	3,45	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Nguyễn Thu Quỳnh	23680688	K68A-QLTNR	3,41	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
5	Nguyễn Lâm Oanh	23680378	K68A-QLTNR	3,37	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
3.4. Ngành Thú y							35.670.000
1	Đỗ Thị Minh Ngọc	23680217	K68A-Thú y	3,80	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Nguyễn Ngọc Anh	23680559	K68A-Thú y	3,73	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Trịnh Thị Tuyết Nhi	23680624	K68A-Thú y	3,70	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Bùi Tố Uyên	23680131	K68A-Thú y	3,73	Tốt	Giỏi	8.610.000
3.5. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							7.500.000
1	Đỗ Thảo Nguyên	23680447	K68A-QLTN&MT	2,97	Khá	Khá	7.500.000
3.6. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							30.750.000
1	Nguyễn Nhật Phụng	23680246	K68A-DLLH	3,42	Tốt	Giỏi	7.875.000
2	Nguyễn Thị Huế	23680358	K68A-DLLH	3,24	Tốt	Giỏi	7.875.000
3	Lê Hoàng Công Nhật	23680314	K68A-DLLH	3,33	Khá	Khá	7.500.000
4	Nguyễn Văn Tuyền	23680846	K68A-DLLH	3,0	Khá	Khá	7.500.000
3.7. Ngành Quản lý đất đai							31.500.000
1	Hà Ngọc Ánh	23680619	K68A-QLĐĐ	3,76	Tốt	Giỏi	7.875.000
2	Nguyễn Xuân Anh	23680926	K68A-QLĐĐ	3,74	Tốt	Giỏi	7.875.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
3	Trần Thị Phương	23680977	K68A-QLĐĐ	3,5	Tốt	Giỏi	7.875.000
4	Nguyễn Gia Huy	23680836	K68A-QLĐĐ	3,5	Tốt	Giỏi	7.875.000
3.8. Ngành Công nghệ sinh học							7.980.000
1	An Hoài Linh	23680261	K68A-CNSH	3,56	Xuất sắc	Giỏi	7.980.000
3.9. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							26.240.000
1	Phí Đình Bình	23680324	K68A-CNOTO	3,61	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Nguyễn Tiến Đạt	23680786	K68A-CNOTO	3,56	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
3	Nhâm Thanh Tùng	23680130	K68A-CNOTO	3,5	Tốt	Giỏi	8.610.000
3.10. Ngành Hệ thống thông tin							34.850.000
1	Phùng Đức Anh	23680551	K68A-HTTT	3,6	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Quảng Thị Như Quỳnh	23680643	K68A-HTTT	3,55	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Phạm Tuấn Khanh	23680268	K68A-HTTT	3,52	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
4	Nguyễn Thị Phương	23680183	K68A-HTTT	3,41	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
3.11. Ngành Lâm sinh							36.080.000
1	Hoàng Thanh Hằng	23680166	K68A-Lâm sinh	3,94	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Hoàng Thu Hiền	23680721	K68A-Lâm sinh	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Lò Thị Thuý	23680482	K68A-Lâm sinh	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Vương Việt Hoàng	23680472	K68A-Lâm sinh	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3.12. Ngành Kế toán							96.937.500
1	Dương Thị Kim Duyên	23680437	K68A-Kế toán	3,87	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Bùi Thanh Huyền	23680178	K68B-Kế toán	3,64	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
3	Nguyễn Thị Uyên	23680880	K68B-Kế toán	3,53	Tốt	Giỏi	7.402.500
4	Đỗ Thị Hằng	23680307	K68A-Kế toán	3,48	Xuất sắc	Giỏi	7.402.500
5	Đào Thị Như Quỳnh	23680734	K68B-Kế toán	3,47	Tốt	Giỏi	7.402.500
6	Bùi Thị Lan Anh	23680591	K68B-Kế toán	3,44	Tốt	Giỏi	7.402.500
7	Đinh Thị Ngọc	23680695	K68B-Kế toán	3,42	Tốt	Giỏi	7.402.500
8	Nguyễn Bảo Thoa	23680985	K68A-Kế toán	3,33	Tốt	Giỏi	7.402.500
9	Nguyễn Thị Hương	23680766	K68B-Kế toán	3,31	Tốt	Giỏi	7.402.500
10	Phùng Thị Nguyệt	23680442	K68A-Kế toán	3,30	Tốt	Giỏi	7.402.500
11	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23680677	K68B-Kế toán	3,28	Tốt	Giỏi	7.402.500
12	Vũ Thị Thùy Trang	23680305	K68A-Kế toán	3,25	Xuất sắc	Giỏi	7.402.500
13	Nguyễn Thanh Hòa	23680621	K68A-Kế toán	3,25	Tốt	Giỏi	7.402.500
3.13. Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng							25.830.000
1	Trần Đức Linh	23680567	K68A-Logistics	3,47	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
2	Đỗ Thị Thanh Phương	23680868	K68A-Logistics	3,44	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Vũ Tuyết Nhung	23680608	K68A-Logistics	3,28	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
3.14. Ngành Quản trị kinh doanh							43.005.000
1	Hoàng Diệu Thúy	23680807	K68A-QTKD	3,69	Tốt	Giỏi	7.402.500
2	Vương Hồng Thủy	23680148	K68A-QTKD	3,28	Xuất sắc	Giỏi	7.402.500
3	Hoàng Hoa Thám	23680191	K68A-QTKD	3,28	Khá	Khá	7.050.000
4	Đào Thanh Mai	23680387	K68A-QTKD	3,25	Khá	Khá	7.050.000
5	Hoàng Văn Bảo	23680731	K68A-QTKD	3,14	Xuất sắc	Khá	7.050.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
6	Nguyễn Thị Cẩm Tú	23680867	K68A-QTKD	3,13	Tốt	Khá	7.050.000
3.15. Ngành Tài chính ngân hàng							22.560.000
1	Nguyễn Thanh Thúy	23680666	K68 TCNH	3,85	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Hoàng Đức Lương	23680390	K68 TCNH	3,69	Tốt	Giỏi	7.402.500
3	Trần Thị Thanh Thanh	23680222	K68 TCNH	3,58	Tốt	Giỏi	7.402.500
3.16. Ngành Kinh tế							23.625.000
1	Nguyễn Hồng Quyên	23680133	K68A-Kinh tế	3,53	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
2	Nguyễn Thị Hải Yến	23680697	K68A-Kinh tế	3,39	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
3	Đỗ Tất Trường Giang	23680861	K68A-Kinh tế	3,21	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
3.17. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							25.830.000
1	Đặng Phúc Toàn	23680761	K68A-CNCĐ	3,5	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Lê Bảo Long	23680511	K68A-CNCĐ	3,28	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Phan Hữu Phú	23680528	K68A-CNCĐ	3,22	Tốt	Giỏi	8.610.000
3.18. Ngành Kỹ thuật xây dựng							8.200.000
1	Nguyễn Phi Long	23680758	K68A-KTXD	3,0	Tốt	Khá	8.200.000
IV. Khóa 69							660.597.500
4.1. Ngành Kỹ thuật cơ khí							16.400.000
1	Hoàng Văn Nghĩa	24691411	K69A-KTCK	2,81	Khá	Khá	8.200.000
2	Lê Đức Tài	24691397	K69A-KTCK	2,56	Khá	Khá	8.200.000
4.2. Ngành Thú y							50.840.000
1	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	24690481	K69A-THÚ Y	3,63	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Phạm Phương Uyên	24690524	K69A-THÚ Y	3,60	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Trịnh Tùng	24690866	K69A-THÚ Y	3,50	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Tạ Hồng Thúy	24691326	K69A-THÚ Y	3,34	Tốt	Giỏi	8.610.000
5	Trần Thị Nhung	24691173	K69A-THÚ Y	3,6	Khá	Khá	8.200.000
6	Nguyễn Khánh Linh	24690986	K69A-THÚ Y	3,53	Khá	Khá	8.200.000
4.3. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							33.620.000
1	Vương Thị Hiên	24690493	K69A-CNCĐT	3,43	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
2	Trần Hà Khánh	24690462	K69A-CNCĐT	3,4	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Nguyễn Hồng Mạnh	24691195	K69A-CNCĐT	3,37	Khá	Khá	8.200.000
4	Vũ Minh Tuấn	24691198	K69A-CNCĐT	3,37	Khá	Khá	8.200.000
4.4. Ngành Kiến trúc cảnh quan							9.020.000
1	Hồ Thúy An	24690499	K69A-KTCQ	3,63	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4.5. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							63.750.000
1	Trần Thị Ngọc Linh	24690321	K69B-DLLH	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Nguyễn Thị Ánh Dương	24691030	K69B-DLLH	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
3	Nguyễn Thị Hường	24691065	K69A-DLLH	3,64	Tốt	Giỏi	7.875.000
4	Nguyễn Lan Hương	24690842	K69B-DLLH	3,63	Tốt	Giỏi	7.875.000
5	Nguyễn Thị Mai Phương	24690676	K69B-DLLH	3,56	Xuất sắc	Giỏi	7.875.000
6	Vũ Anh Tuấn	24690858	K69B-DLLH	3,53	Tốt	Giỏi	7.875.000
7	Hoàng Trung Tuyển	24690917	K69A-DLLH	3,47	Tốt	Giỏi	7.875.000
8	Đường Thị Thu Minh	24691058	K69A-DLLH	3,44	Tốt	Giỏi	7.875.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
4.6. Ngành Tài chính ngân hàng							14.805.000
1	Nguyễn Thị Tố Như	24691339	K69A-TCNH	3,66	Tốt	Giỏi	7.402.500
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	24690997	K69A-TCNH	3,34	Tốt	Giỏi	7.402.500
4.7. Ngành Hệ thống thông tin							34.440.000
1	Hoàng Hương Trà	24691340	K69A-HTTT	3,82	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Bạch Ngọc Sáng	24690484	K69A-HTTT	3,33	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Nguyễn Duy Đạt	24690399	K69A-HTTT	3,33	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Dương Thanh Sơn	24691168	K69A-HTTT	3,27	Khá	Khá	8.200.000
4.8. Ngành Kế toán							74.377.500
1	Lương Thủy Tiên	24691229	K69A-KẾ TOÁN	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Nguyễn Văn Nam	24690798	K69A-KẾ TOÁN	3,85	Tốt	Giỏi	7.402.500
3	Trần Nguyễn Triệu Vy	24690667	K69B-KẾ TOÁN	3,62	Tốt	Giỏi	7.402.500
4	Bùi Thị Duyên	24690933	K69B-KẾ TOÁN	3,59	Tốt	Giỏi	7.402.500
5	Phan Minh Anh	24690542	K69A-KẾ TOÁN	3,59	Tốt	Giỏi	7.402.500
6	Đinh Thu Hằng	24690254	K69A-KẾ TOÁN	3,56	Tốt	Giỏi	7.402.500
7	Lê Nguyễn Mai Phương	24691002	K69A-KẾ TOÁN	3,53	Tốt	Giỏi	7.402.500
8	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	24691016	K69B-KẾ TOÁN	3,41	Tốt	Giỏi	7.402.500
9	Nguyễn Thị Phương	24690442	K69A-KẾ TOÁN	3,31	Tốt	Giỏi	7.402.500
10	Tô Nguyễn Linh Anh	24690791	K69B-KẾ TOÁN	3,29	Tốt	Giỏi	7.402.500
4.9. Ngành Quản trị kinh doanh							52.170.000
1	Nguyễn Đức Hoàng	24690763	K69B-QTKD	3,66	Xuất sắc	Xuất sắc	7.755.000
2	Phùng Thị Hồng Ngọc	24691177	K69B-QTKD	3,79	Tốt	Giỏi	7.402.500
3	Phạm Phương Khánh	24691279	K69B-QTKD	3,63	Tốt	Giỏi	7.402.500
4	Đỗ Thị Lan Hương	24690800	K69A-QTKD	3,47	Tốt	Giỏi	7.402.500
5	Nguyễn Mai Trang	24690767	K69B-QTKD	3,44	Tốt	Giỏi	7.402.500
6	Vũ Thị Nhung	24690466	K69A-QTKD	3,34	Tốt	Giỏi	7.402.500
7	Vương Thị Xuân Hiên	24690318	K69A-QTKD	3,34	Tốt	Giỏi	7.402.500
4.10. Ngành Công nghệ sinh học							15.960.000
1	Hoàng Diệu Linh	24691271	K69A-CNSH	3,53	Tốt	Giỏi	7.980.000
2	Nguyễn Văn Thịnh	24691240	K69A-CNSH	3,26	Tốt	Giỏi	7.980.000
4.11. Ngành Lâm sinh							36.080.000
1	Triệu Đình Lộc	24690334	K69A-LÂM SINH	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Đào Thùy Trang	24690335	K69A-LÂM SINH	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Lã Trần Diệu Linh	24690897	K69A-LÂM SINH	3,69	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Triệu Đức Trung	24691129	K69A-LÂM SINH	3,70	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4.12. Ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng							34.850.000
1	Trần Ngọc Khuê	24690998	K69 Logistic	3,63	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Bế Bảo Ngọc	24690797	K69 Logistic	3,57	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Trần Mạnh Thường	24690719	K69 Logistic	3,53	Tốt	Giỏi	8.610.000
4	Trần Thị Ngọc Trâm	24691022	K69 Logistic	3,47	Tốt	Giỏi	8.610.000
4.13. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							66.010.000
1	Hàng A Dũng	24691136	K69 QLTNR	3,21	Tốt	Giỏi	8.610.000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học tập	Điểm rèn luyện	Loại học bổng	Số tiền (đồng)
2	Vi Khánh Huy	24690407	K69 QLTNR	3,35	Khá	Khá	8.200.000
3	Hoàng Triệu Lý	24691447	K69 QLTNR	3,23	Khá	Khá	8.200.000
4	Phạm Tiến Huy	24691325	K69 QLTNR	3,25	Khá	Khá	8.200.000
5	Hàng A Di	24691245	K69 QLTNR	3,18	Khá	Khá	8.200.000
6	Tao Văn Viện	24691297	K69 QLTNR	3,18	Khá	Khá	8.200.000
7	Nguyễn Hiền Mai	24691005	K69 QLTNR	3,17	Khá	Khá	8.200.000
8	Lê Văn Ngọc Hùng	24690584	K69 QLTNR	3,12	Khá	Khá	8.200.000
4.14. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							7.875.000
1	Trần Thị Thanh Thư	24691362	K69 QLTN&MT	3,67	Tốt	Giỏi	7.875.000
4.15. Ngành Quản lý đất đai							38.250.000
1	Nguyễn Hồng Ngọc	24691296	K69A-QLĐĐ	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Nguyễn Hà Minh Tú	24691269	K69A-QLĐĐ	3,12	Xuất sắc	Khá	7.500.000
3	Vi Quốc Việt	24690677	K69A-QLĐĐ	2,94	Xuất sắc	Khá	7.500.000
4	Lê Nguyễn Ngân Giang	24690416	K69A-QLĐĐ	2,88	Xuất sắc	Khá	7.500.000
5	Trần Minh Ánh	24690695	K69A-QLĐĐ	2,85	Xuất sắc	Khá	7.500.000
4.16. Ngành Thiết kế nội thất							36.080.000
1	Phạm Mai Anh	24691055	K69A-TKNT	3,94	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
2	Nguyễn Quang Đức Anh	24690539	K69A-TKNT	3,89	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
3	Nguyễn Ngọc Việt	24690632	K69A-TKNT	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	24690619	K69A-TKNT	3,69	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4.17. Ngành Công tác xã hội							7.875.000
1	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24691349	K69A-CTXH	3,4	Tốt	Giỏi	7.875.000
4.18. Ngành Kinh tế							16.125.000
1	Nguyễn Thị May	24690884	K69A-KINH TẾ	3,83	Xuất sắc	Xuất sắc	8.250.000
2	Nông Tam Phong	24690722	K69A-KINH TẾ	3,53	Tốt	Giỏi	7.875.000
4.19. Ngành Chế biến lâm sản							9.020.000
1	Tạ Thị Thanh Thảo	24691044	K69A-CNCBLS	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	9.020.000
4.20. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							43.050.000
1	Phạm Gia Phúc	24691218	K69A-CNOTO	3,94	Tốt	Giỏi	8.610.000
2	Trần Văn Minh	24690995	K69A-CNOTO	3,61	Tốt	Giỏi	8.610.000
3	Lưu Thành Đạt	24690323	K69A-CNOTO	3,42	Xuất sắc	Giỏi	8.610.000
4	Nguyễn Quang Anh	24691114	K69A-CNOTO	3,33	Tốt	Giỏi	8.610.000
5	Phan Ngọc Dương	24691247	K69A-CNOTO	3,31	Tốt	Giỏi	8.610.000
Tổng cộng							2.025.289.000